

TÌM HIỂU VỀ ĐẶC ĐIỂM THƠ ĐƯỜNG

A- Các thể loại thơ Đường

I. Thơ cổ phong hay cổ thể

Cổ phong là lối thơ có từ những triều đại trước. Trong thơ cổ phong, người ta chia ra hai loại cho dễ nhớ: thơ cổ phong năm lời (ngũ ngôn) và bảy lời (thất ngôn).

Thơ cổ phong khác với thơ luật ở chỗ thơ chỉ cần vần chứ không cần phải theo luật bằng, trắc. Khác với thơ luật, thơ cổ phong có thể dài ngắn khác nhau, có loại bài ngắn (đoản thiên), và bài dài (trường thiên).

Số câu trong cổ phong cũng không quy định cụ thể. Đoản thiên có thể bốn câu, sáu câu, tám câu hoặc trên mười câu... Trường thiên là những bài thơ dài, nghiêng về trần thuật, hoặc biểu cảm liên tục trước một đề tài không dứt, do đó cũng cần phải có từng phần, mạch lạc, có cấu trúc hợp lý...

Vần trong thơ cổ phong cũng tự do hơn. Có thể là bài thơ chỉ dùng một vần (độc vận) trong cả bài. Cũng có thể thay nhiều vần (hoán vận) trong lúc viết (Tỳ Bà Hành của Bạch Cư Dị). Vần bằng và vần trắc cũng có thể dùng riêng từng loại hay cả hai.

Về lời trong câu thì được phép dài, ngắn khác nhau không phải nhất thiết năm hay bảy chữ (Tương Tỉu của Lý Bạch)...

Trong ngũ ngôn trường thiên có bốn điều cốt yếu được các nhà thơ hay vận dụng, gọi là thủ pháp chung cũng được. Đó là:

Phân mạch: chia đoạn, chia tiết, chia câu trong bài.

Quá mạch: chuyển tiếp các ý của phần đầu.

Hồi chiếu: biểu hiện những tứ lạ, ý hay đã róng lên ở các phần trên, phát triển cho sâu sắc.

Tán thán: những ý nghĩ, suy tưởng, cảm nhận xen cài vào các đoạn trên.

Thất ngôn cổ phong thì các mạch đoạn cho rõ ràng, ý nghĩa càng thâm trầm, cao thoát. Nhiều ý vị ngoài bài thơ thì càng hay. So với thơ luật, thơ cổ phong phóng túng hơn, ít bị trói buộc trong niêm luật, câu chữ. Chính vì vậy mà tính hàm súc, cô đọng, những khe khát đòi hỏi về đối ngẫu, luật thơ, âm nhạc không tập trung như thơ luật. Và lại, thể cổ phong vốn cũng đã có từ các thời Hán, Tùy, trước, nên về sau lối thơ luật thịnh hành hơn cả..

II. Thơ luật

Thơ luật có từ thời nhà Đường nên cũng gọi là Đường Luật. Luật dựa trên những thanh bằng và thanh trắc trong một câu và niêm giữa các câu với nhau, tạo thành cấu trúc bắt buộc của bài thơ. Thơ luật gồm tám câu, cấu trúc quy định như sau:

Phá: Câu mở đầu (cũng gọi là Phá đề)

Thừa: Nhân ý câu phá mà chuyển tiếp

Thực: Gồm hai câu 3, 4 phải đối nhau từng lời và ý, nói rõ chủ đề của bài thơ.

Luận: Gồm hai câu 5, 6 cũng theo luật đối lời đối ý của các câu thực, nhằm tăng ý chính của bài.

Kết: hai câu cuối cùng, chuyển ý và thu tóm ý tưởng của bài thơ hoặc có một tứ lạ gây thêm cảm xúc cho người đọc.

Thơ luật có thể năm lời (ngũ ngôn) và thể bảy lời (thất ngôn)

* Ví dụ thơ thể ngũ ngôn:

TỔNG HỮU NHÂN (Lý Bạch)

Thanh sơn hoành Bắc quách,

Bạch thủy nhiễu Đông thành.

Thử địa nhất vi biệt,

Cô bồng vạn lý chinh.

Phù vân du tử ý,

Lạc nhật cố nhân tình.

Huy thủ tự tư khứ,

Tiêu tiêu ban mã minh.

TIỀN BẠN

Chạy dài cỡi Bắc non xanh,
Thành Đông nước chảy quanh thành trắng phau.
Nước non này chỗ đưa nhau,
Một xa, muôn dặm biết đâu cánh bông!
Chia phôi khác cả mối long,
Người như mây nổi, kẻ trông bóng tà.
Vây tay thôi đã rời xa,
Nhớ nhau tiếng ngựa nghe mà buồn teo.
(TÂN ĐÀ dịch)

* Ví dụ thể thất ngôn:

THU HỨNG

Ngọc lộ điều thương phong thụ lâm,
Vu Sơn, Vu Giáp khí tiêu sâm.
Giang gian ba lãng kiêm thiên dũng,
Tái thượng phong vân tiếp địa âm.
Tùng cúc lưỡng khai tha nhật lệ,
Cô chu nhất hệ cố viên tâm.
Hàn y xú xú thôi đào xích,
Bạch Đế thành cao cấp mộ châm.
(Đỗ Phủ)

III. Thơ tuyệt cú:

Tuyệt cú theo nghĩa đen là ngắt câu. Là một thể thơ bốn câu, có thể là cổ phong hoặc thơ luật, nhưng ý tứ, ý nghĩa phải trọn vẹn, sâu sắc. Cũng phải có mở có kết, có thể hiện nội dung chủ đề mình định nói. Chẳng hạn như bài Tự Quân Chi Xuất Hĩ của Trương Cửu Linh:

TỰ QUÂN CHI XUẤT HĨ

Tự quân chi xuất hĩ
Bất phục lý tàn ky.
Tự quân như nguyệt mãn,
Dạ dạ giảm thanh huy.
TỪ THUỞ CHÀNG ĐI - (NGÔ TẤT TỐ dịch)

Từ ngày chàng bước chân đi,
Cái khùng dột cửi chưa hề đúng (nhúng) tay.
Nhớ chàng như mảnh trăng đầy,
Đêm đêm vàng sáng hao gầy đêm đêm.

Bài thơ nói được cái tình của người vợ mà lối ví von, hình ảnh vừa đẹp, vừa sâu sắc. Lối, kết cấu, ý tứ thật trọn vẹn, súc tích.

Thơ tuyệt cú làm hay, thật khó. Nhưng trong thơ Đường, nhiều bài thơ tuyệt cú đã vượt được thử thách, lưu truyền hàng nghìn năm, tính tư tưởng cao, hình ảnh đẹp và mãi mãi là những viên ngọc sáng giá. Lối làm thơ tuyệt cú có thể tuân theo luật bốn câu đầu hoặc bốn câu cuối của ngũ ngôn hoặc thất ngôn. Ở thể cổ phong, thơ tuyệt cú càng rộng rãi hơn, các câu thơ không cần đối, không phụ thuộc luật bằng trắc, miễn là ý tứ sâu sắc, lời đẹp, giàu âm điệu...

Thơ tuyệt cú có bốn câu, do đó cũng gọi là tứ tuyệt. Thơ tuyệt cú đẹp như hoa một bông trên cành thắm, có thể nói trực diện, hoặc nói xa xôi mà ý tứ lại thâm trầm, đều được cả.

B- Đặc trưng mỹ học của thơ Đường

Đặc trưng mỹ học của thơ Đường trước hết biểu hiện ở tính hàm súc, ít lời nhiều ý, ý ở ngoài lời. Kết cấu thơ Đường luật hết sức chặt chẽ, mỗi bài thơ giống như một bài toán giải đáp một vấn đề xã hội bằng hình tượng nghệ thuật. Thơ Đường luật đúc kết những kinh nghiệm quá khứ nâng lên thành luật bằng trắc đối xứng. Đối xứng chính là mâu thuẫn thống nhất trong âm thanh, đối xứng càng cao, hài hòa càng lớn.

Do đó câu số chữ của một bài thơ được hạn định, nên các nhà thơ phải tìm tòi những tinh hoa của dân gian, kết hợp với điển cố lịch sử và từ hoa lệ của văn học thành văn. Sự quy định niêm luật cho một thể thơ có thể hạn chế sự biểu đạt những tình cảm bay bổng, phóng khoáng, nhưng nó buộc phải sáng tạo ngôn ngữ hàm súc, cấu tứ chặt chẽ. Thơ Đường có phong độ một tâm hồn Á Đông, gắn tâm tư tình cảm con người với thiên nhiên đất nước. Tình cảm biểu hiện trong thơ Đường thực muôn màu muôn vẻ, có khi bông bột, bay bổng, có khi thâm trầm, uẩn khúc quanh co. Có thể nói, nó như những dòng thác đổ dồn về một con sông lớn cuộn cuộn.

Những nhà thơ Đường sử dụng đề tài hết sức rộng rãi, đề tài xã hội, thiên nhiên, lịch sử và cá nhân, đề tài về chiến tranh, đề tài về cuộc sống của những con người trong xã hội. Ngòi bút thi nhân đã lên sâu vào tất cả mọi nơi, xung phá và chôn cùng đỉnh u ám cũng như vào giữa quần chúng nhân dân.

Một bài thơ năm chữ tuyệt cú vền vền chỉ có hai mươi chữ, nhưng càng ít chữ, càng phải cân nhắc cho nên từ ngữ ở thơ Đường luật phần lớn được sử dụng rất đắt. Tuy hàm súc như vậy nhưng thơ Đường luật không phải là những lời thuyết lý khô khan. Người ta lấy làm kinh ngạc là một bài thơ chỉ ngắn gọn 20 chữ mà lại là một bức tranh có cả sương, trăng, cử chỉ ngẩng lên cúi xuống vì nhớ quê:

TĨNH DẠ TỨ (Lý Bạch)

Sàng tiền minh nguyệt quang,

Nghi thị địa thượng sương.

Cử đầu vọng minh nguyệt,

Đê đầu tư cố hương.

Âm Vang Thơ Đường

Đọc một bài thơ Đường, nhất là loại tứ tuyệt bốn câu 5 hoặc 7 chữ, có khi người ta phải lắng nghe cái âm vang của nó, tưởng tượng ra những đường nét và màu sắc của nó, để có thể cảm nhận hình tượng chung của bài thơ như kiểu nghe một bản xô-nát chứ không phải dựa vào những chi tiết ngôn ngữ cụ thể của bài thơ. Mặt khác, do truyền thống gắn bó giữa thi, nhạc và học, một bài thơ hay bao giờ cũng gợi lên những âm thanh và đường nét, chính cái đó đã tạo nên âm vang sâu xa của thơ Đường.

Phải chăng có thể hiểu âm vang thơ Đường từ mấy đặc điểm sau đây:

Trong cách cảm nhận, thơ Đường chú ý khám phá sự thống nhất, sự giao cảm mà trước hết là sự thống nhất giữa con người và thiên nhiên.

Trong cách cấu tứ, cái "tôi" trữ tình thường hòa lẫn vào thiên nhiên và ngoại cảnh. Trong cách biểu hiện, ba yếu tố thi, nhạc, họa thường quần quện làm một.